

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lâm

Ông Đoàn Hồng Canh

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Anh Xuân Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân
huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
tham gia phiên toà: Bà Trần Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy,
tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST- HNGĐ
ngày 17 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa
các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1988

ĐKHKT: Khu 19, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1989;

ĐKHKT: Khu 19, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn
anh Trần Văn M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị N ngày 22/9/2009, tại
Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, việc kết hôn là tự
nguyện. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Kể từ tháng 4/2019 chị
N bỏ nhà đi đến nay không về và từ đó chúng tôi cắt đứt quan hệ. Nay nhận thấy
không còn tình cảm với nhau đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị
Nguyễn Thị N

Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Trần Anh P 05/4/2010 và Cháu Trần Phương N 06/11/2011

Hiện nay các cháu đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh M yêu cầu được nuôi cả 02 con không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh M xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/7/2021 của cháu Trần Anh P – con chung của anh M và chị N trình bày:

Cháu là con của bố Mạnh và mẹ Nhung, cháu mong muốn được ở với bố.

Tại bản tự khai ngày 08/7/2021 của cháu Trần Phương N – con chung của anh M và chị N trình bày:

Cháu là con của bố Mạnh và mẹ Nhung, cháu mong muốn được ở với cả bố và mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2021 của ông Nguyễn Đức H – bố chị Nguyễn Thị N trình bày:

Tôi là bố của chị Nguyễn Thị N hiện nay đang sinh sống cùng gia đình tôi. Về việc Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các thông báo triệu tập khác cho chị N thì gia đình thông báo cho chị N. Tuy nhiên hiện nay chị N bận công việc làm ăn nên không trực tiếp đến Tòa án để trình bày nguyện vọng được. Chị N nhờ gia đình tôi cung cấp lại quan điểm của chị N như sau:

Về hôn nhân: chị N xác định đã tự nguyện kết hôn với anh Trần Văn M có đăng ký tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh M ở khu 19 xã Đ. Tình cảm vợ chồng những năm đầu hòa thuận hạnh phúc, gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hòa hợp để cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Kể từ tháng 4/2019 cho đến nay thì vợ chồng sống ly thân chị N xác định tình cảm đã hết nên chị đồng ý ly hôn anh M.

Về con chung: chị và anh M có hai con chung là cháu Trần Anh P sinh ngày 05/4/2010 và cháu Trần Phương N sinh ngày 6/11/2011. Hiện nay các cháu đang ở với anh M và ông bà nội. Do hiện nay chị bận công việc làm ăn nên chị N đồng ý giao cho anh M nuôi hai con do chị chưa có đủ điều kiện.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp chị N không đề nghị giải quyết.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân và Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ, xác định:

- Về nơi cư trú của chị Nguyễn Thị N: Chị Nguyễn Thị N có đăng ký nhân khẩu thường trú tại Khu 19, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên do vợ chồng có mâu thuẫn nên hiện nay chị N thường xuyên sinh sống tại nhà của bố mẹ đẻ là gia đình ông Nguyễn Đức H ở Khu 7 xã Đ.

- Về hôn nhân: Năm 2009 UBND xã Đ đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn M. Sau khi kết hôn anh M và chị N chung sống với nhau tại nhà riêng ở Khu 19 xã Đ. Quá trình chung sống những năm đầu hòa

thuận hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay anh chị đã sống ly thân.

- Về con chung: Anh M và chị N có 02 con chung là cháu Trần Anh P, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Trần Phương N, sinh ngày 06/11/2011. Hiện tại các cháu đang ở với anh M. Trường hợp anh M chị N có tranh chấp về con chung thì nguyên nhân là do nguyện vọng của người làm cha làm mẹ muốn được nuôi dưỡng con

Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ và trẻ em.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:

-Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh M, xử cho anh M được ly hôn chị N; Về con chung: Giao cháu cháu Trần Anh P, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Trần Phương N, sinh ngày 06/11/2011 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu thành niên; Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Tòa án đã thông báo cho chị N về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị N đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên chị N đều vắng mặt không có lý do. Anh M có đơn từ chối hòa giải, theo quy định tại Khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điểm b, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M kết hôn với chị Nguyễn Thị N vào ngày 22/9/2009, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh M, chị N đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Kể từ tháng 4/2019 chị N về nhà

bố mẹ đẻ và cắt đứt quan hệ. Hiện nay anh M và chị N không còn thực tế chung sống. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn chị N.

Qua việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị N tại gia đình chị N, bố của chị N là ông Nguyễn Đức H trình bày: chị Nguyễn Thị N hiện nay đang sinh sống cùng gia đình ông. Do điều kiện công việc nên chị N không đến Tòa án trình bày lời khai được và nhờ gia đình thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với anh M và đồng ý giao hai con chung cho anh M chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh M, xử cho anh M được ly hôn chị N là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh M, chị N có 02 con chung là cháu Trần Anh P, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Trần Phương N, sinh ngày 06/11/2011 hiện đang ở với anh M, anh M đề nghị khi ly hôn anh xin được nuôi cả 02 cháu. Xét thấy đề nghị của anh M là chính đáng, do vậy Hội đồng xét xử cần giao cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phương và cháu Nam đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu nên chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh M phải chịu án phí theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điều b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn M

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị N

2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh P, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Trần Phương N, sinh ngày 06/11/2011 cho anh Trần Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị N chấm

dứt cho đến khi các cháu thành niên.

Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Trần Văn M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002790 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Hồng

